BỘ CÔNG THƯƠNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

TIỀM NĂNG SẢN XUẤT, CUNG ỨNG CÁC SẢN PHẨM ĐẶC TRƯNG CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN

Năm 2023

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 4
1. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ 6
2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN 6
2.1. Địa hình 6
2.2. Khí hậu 7
2.3. Thủy văn 7
2.4. Cơ sở hạ tầng 8
2.5. Tài nguyên thiên nhiên 8
2.5.1. Tài nguyên đất 8
2.5.2 Tài nguyên sinh vật 8
2.5.3 Tài nguyên rừng 9
2.5.4 Tài nguyên khoáng sản 9
2.5.5 Tài nguyên du lịch 10
3. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ 10
2.1 Tình hình phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, OCOP của tỉnh Thái Nguyên 12
2.2 Giới thiệu một số sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, sảm phẩm OCOP tiêu biểu của tỉnh Thái Nguyên 15
2.2.1 Chè 15
2.2.2 Cây ăn quả 18
2.2.3 Cây Quế 21
2.2.4 Thịt lợn 23
2.2.5 Thịt Gà 25
2.2.6 Gỗ 25
2.2.7 Rau các loại 27
III. MỘT SỐ ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH 30

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách các sản phẩm nông nghiệp đạt nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận tỉnh Thái Nguyên 29

Bảng 2: Danh sách một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP và sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Thái Nguyên 30

LỜI NÓI ĐẦU

Thái Nguyên được thiên nhiên ưu đãi về khí hậu và đất đai, nên tỉnh có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế nông, lâm, công nghiệp, du lịch và các loại hình dịch vụ khác. Diện tích đất nông nghiệp toàn tỉnh chiếm 23% diện tích tự nhiên, cây hàng năm chủ yếu là cây chè. Ngoài sản xuất lương thực, tỉnh còn có diện tích tương đối lớn để quy hoạch các đồng cỏ, phát triển mạnh chăn nuôi đại gia súc, chăn nuôi bò sữa. Trong khi đó, diện tích rừng tự nhiên của tỉnh là 102.190 ha, diện tích rừng trồng khoảng 44.450 ha, đây là một lợi thế to lớn cho việc phát triển rừng nguyên liệu phục vụ chế biến gỗ nhân tạo, chế biến làm nguyên liệu giấy.

Những năm gần đây, tỉnh Thái Nguyên đã triển khai nhiều giải pháp, xây dựng các đề án, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng để từ đó góp phần tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài tỉnh, xa hơn là hướng đến xuất khẩu. Trong khi đó, việc phát triển "Mỗi xã, phường một sản phẩm" và sản phẩm OCOP cũng được Thái Nguyên đẩy mạnh. Trên cơ sở đó, tỉnh tăng cường hỗ trợ đưa sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm chủ lực, thế mạnh của địa phương lên Sàn thương mại điện tử của tỉnh (www.thainguyentrade.vn) và các sàn thương mại điện tử khác. Sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh Thái Nguyên đã và đang quảng bá, giới thiệu trên 2.600 sản phẩm (phần lớn là sản phẩm chè); phối hợp đưa lên 2 sàn thương mại điện tử (Postmart, Vỏ sò) 72 sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Qua hơn 4 năm triển khai, Chương trình OCOP đã lan tỏa khắp địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định đời sống nhân dân. Đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã có 173 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP, trong đó: 91 sản phẩm 3 sao; 80 sản phẩm 4 sao; 02 sản phẩm 5 sao cấp quốc gia. Nhiều chủ thể còn tận dụng lợi thế sản phẩm được công nhận OCOP để phát triển thương hiệu, tạo uy tín, mở rộng thị trường, tăng doanh thu. Tiêu biểu như: Hợp tác xã chè Hảo Đạt, Hợp tác xã miến Việt Cường, Hợp tác xã chè La Bằng, Hợp tác xã chè an toàn Khe Cốc, Công ty cổ phần trà Việt Thái, Công ty TNHH sản xuất và chế biến chè Thúy Vân, cơ sở sản xuất nem bùi Hải Tuyết...

Ngoài ra, tỉnh Thái Nguyên cũng đẩy mạnh kết nối tiêu thụ sản phẩm miền núi, vùng sâu, vùng xa góp phần quan trọng vào xây dựng và phát triển hệ thống phân phối sản phẩm hàng hóa. Việc kết nối sản xuất và tiêu thụ sản phẩm miền núi, vùng sâu, vùng xa của Thái Nguyên đã góp phần hình thành những chuỗi cung ứng, tiêu thụ sản phẩm đặc trưng vùng miền theo hướng hiện đại, bền vững, góp phần thu hẹp khoảng cách về phát triển thương mại của khu vực này với các vùng miền khác. Theo Quyết định số 964/QĐ-TTg năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thương mại miền múi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015-2020, tỉnh Thái Nguyên có 5 huyện thuộc danh mục ưu tiên gồm: Định Hóa, Võ Nhai, Phú Lương, Đồng Hỷ và Đại Từ. Các địa phương này đã tích cực chuyển đổi cơ cấu giống sang phát triển cây chè và cây ăn quả (nhãn, bưởi, chuối, mít)..., hình thành vùng sản xuất tập trung, tạo điều kiện để đầu tư phát triển theo hướng chuyên canh, nâng cao chất lượng, hiệu quả từ đó, góp phần thay đổi thói quen canh tác của nông dân.

Nhằm đẩy mạnh tăng trưởng bền vững ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân nông thôn, giảm tỷ lệ hộ nghèo, góp phần phát triển kinh tế xã hội, xây dựng nông thôn mới, từ nay đến năm 2025 tỉnh Thái Nguyên đã xác định phát triển 6 sản phẩm nông nghiệp chủ lực gồm: Chè, quả các loại, thịt lợn, thịt gà và trứng gà, quế, sản phẩm gỗ. Giai đoạn 2021-2030, toàn tỉnh bố trí trên 2.700 ha đất chuyển đổi từ đất trồng lúa và cây ăn quả kém hiệu quả, đất rừng sản xuất để trồng Na, Nhãn, Bưởi, đồng thời hỗ trợ 100% giá cây giống. Đối với sản phẩm thịt lợn, thịt gà và trứng khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển trang trại theo hướng an toàn sinh học gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, đối với sản phẩm gỗ khuyến khích trồng rừng gỗ lớn, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến gỗ.

I. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ TỈNH THÁI NGUYÊN

1. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Tỉnh Thái Nguyên, là một trong những trung tâm chính trị, kinh tế của khu Việt Bắc, có vị trí rất thuận lợi, phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Bắc Kạn, phía Tây giáp với các tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, phía Đông giáp với các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang và phía Nam tiếp giáp với thủ đô Hà Nội (cách 80 km). Thái Nguyên có vị trí rất thuận lợi về giao thông, cách sân bay quốc tế nội bài 50 km, cách biên giới Trung Quốc 200 km, cách trung tâm Hà Nội 75 km và cảng Hải Phòng 200 km. Đây cũng là điểm nút giao lưu thông qua hệ thống đường bộ, đường sắt, đường sông hình rẻ quạt kết nối với các tỉnh, thành phố gồm: Đường quốc lộ 3 từ Hà Nội đi Bắc Kạn, Cao Bằng và cửa khẩu Việt Nam - Trung Quốc; quốc lộ 1B đi Lạng Sơn; quốc lộ 37 đi Bắc Ninh, Bắc Giang; hệ thống đường sông Đa Phúc - Hải Phòng; đường sắt Thái Nguyên - Hà Nội - Lạng Sơn.

Tỉnh Thái Nguyên có tổng diện tích tự nhiên là 3.562,82km², với 9 đơn vị hành chính: Thành phố Thái Nguyên, thành phố và 7 huyện: Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương. Dân số có gần 1,3 triệu người, gồm 8 dân tộc là Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, H'Mông, Sán chay, Hoa và Dao. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm là 0,99%.

2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

2.1. Địa hình

Thái Nguyên có địa hình đặc trưng là đồi núi xen kẽ với ruộng thấp, chủ yếu là núi đá vôi và đồi dạng bát úp. Địa hình của Thái Nguyên chủ yếu là đồi núi với độ cao trung bình từ 200 - 300 m so với mực nước biển, đồng thời còn có những khu vực có độ cao trên 1.000 m. Vùng địa hình vùng núi: Bao gồm nhiều dãy núi cao ở phía Bắc chạy theo hướng Bắc - Nam và Tây Bắc - Đông Nam. Các dãy núi kéo dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Vùng này tập trung ở các huyện Đại Từ, Định Hóa và một phần của huyện Phú Lương. Đây là vùng có địa hình cao chia cắt phức tạp, có độ cao từ 500 -1.000 m, độ dốc thường từ 25-35 độ. Vùng địa hình đồi cao, núi thấp: là vùng chuyển tiếp giữa vùng núi cao phía Bắc và vùng đồi gò đồng bằng phía Nam, chạy dọc theo sông Cầu và

đường quốc lộ 3 thuộc huyện Đồng Hỷ, Nam Đại Từ và Nam Phú Lương. Địa hình gồm các dãy núi thấp đan chéo với các dải đồi cao tạo thành các bậc thềm lớn và nhiều thung lũng. Độ cao trung bình từ 100-300m, độ dốc thường từ 15-25 độ. Vùng địa hình nhiều ruộng ít đồi: Bao gồm vùng đồi thấp và đồng bằng phía Nam tỉnh. Địa hình tương đối bằng, xen giữa các đồi bát úp dốc thoải là các khu đất bằng. Vùng này tập trung ở các huyện Phú Bình, Phổ Yên, thị xã Sông Công và thành phố Thái Nguyên và một phần phía Nam huyện Đồng Hỷ, Phú Lương. Độ cao trung bình từ 30-50m, độ dốc thường <10 độ.

2.2. Khí hậu

Thái Nguyên có khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, được chia làm bốn mùa rõ rệt: Xuân - Hạ - Thu - Đông. Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2.000 đến 2.500 mm; tổng số giờ nắng trong năm dao động từ 1.300 đến 1.750 giờ. Khí hậu của tỉnh Thái Nguyên thuận lợi cho phát triển ngành nông, lâm nghiệp. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 10 đến tháng 5 năm sau. Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2.000 đến 2.500 mm; cao nhất vào tháng 8 và thấp nhất vào tháng 1. Mùa Đông được chia thành 3 vùng rõ rệt: Vùng lạnh nhiều nằm ở phía Bắc huyện Võ Nhai; vùng lạnh vừa gồm các huyện Định Hóa, Phú Lương và phía Nam huyện Võ Nhai; vùng ấm gồm các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên, Thành phố Thái Nguyên và Thành phố Sông Công. Một yếu tố đặc trưng khác của đặc điểm khí hậu Thái Nguyên là sương mù và mưa phùn thường xuyên xuất hiện vào mùa Thu và Đông. Điều này do Thái Nguyên nằm trong vùng gió Đông Bắc, nơi có nhiều bụi và khí thải từ giao thông và công nghiệp, làm cho khí hậu tại đây trở nên ô nhiễm hơn so với những vùng đất khác.

2.3. Thủy văn

Thái Nguyên có hệ thống sông suối khá dầy đặc và phân bố tương đối đều. Gồm có hai con sông chính chảy qua địa phận là sông Cầu, sông Công và chịu ảnh hưởng rất lớn về chế độ thuỷ văn của hai con sông này. Ngoài ra, Thái Nguyên còn có một số sông khác như sông Công, sông Máng và sông Linh Nham, tạo nên một mạng lưới sông suối phong phú tại vùng đất này. Hệ thống sông ngòi tại Thái Nguyên không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong sản

xuất, mà còn mang lại sự phong phú và đa dạng cho địa danh, cảnh quan của vùng đất này.

Nước ngầm ở Thái Nguyên có trữ lượng khá lớn, có độ khoáng khá cao: trên 10g/l. Hiện mới khai thác một phần nước ngầm ở tầng nông làm nước sinh hoạt và có một điểm khai thác nước khoáng thiên nhiên ở La Hiên (Võ Nhai).

2.4. Cơ sở hạ tầng

Thái Nguyên có vị trí đắc địa gần Thủ đô Hà Nội, gần sân bay quốc tế và có giao thông kết nối hết sức thuận lợi. Có vị trí rất thuận lợi về giao thông, cách sân bay quốc tế Nội Bài 50 km, cách biên giới Trung Quốc 200 km, cách trung tâm Hà Nội 75 km và cảng Hải Phòng 200 km. Thái Nguyên còn là điểm nút giao thông quan trọng với hệ thống đường bộ, đường sắt, đường sông hình rẻ quạt kết nối với các tỉnh thành; đường quốc lộ 3 nối Hà Nội đi Bắc Kạn; Cao Bằng và cửa khẩu Việt Nam – Trung Quốc; quốc lộ 1B đi Lạng Sơn; quốc lộ 37 Bắc Ninh, Bắc Giang, Tuyên Quang; đường Hồ Chí Minh; đường vành đai 5; Hệ thống đường sông Đa Phúc - Hải Phòng; đường sắt Thái Nguyên – Hà Nội – Kép, Lạng Sơn.

2.5. Tài nguyên thiên nhiên

2.5.1. Tài nguyên đất

Do sự chi phối của địa hình và khí hậu đất đồi núi của tỉnh bị phong hóa nhanh, mạnh, triệt để, đồng thời cũng đã bị thoái hóa, rửa trôi, xói mòn mạnh một khi mất cân bằng sinh thái. Do tính đa dạng của nền địa chất và địa hình đã tạo ra nhiều loại đất có các đặc điểm đặc trưng khác nhau. Đất đai của Thái Nguyên chủ yếu là đất phù sa, đất sét và đất phùn có chứa hàm lượng chất dinh dưỡng cao, phù hợp cho việc trồng trọt và sản xuất nông nghiệp. Đất ở Thái Nguyên đa dạng gồm các loại sau: Đất núi chiếm 48,2% diện tích tự nhiên; Đất đồi chiếm 32,4% diện tích tự nhiên; Đất ruộng chiếm 12,4% diện tích đất tự nhiên.

2.5.2 Tài nguyên sinh vật

Thảm thực vật tự nhiên được ở Thái Nguyên chia thành ba kiểu chính: Kiểu rừng rậm thường xanh nhiệt đới lá rộng trên đất đá vôi và rừng thứ sinh thay thế. Phân bố chính ở các vùng núi đá vôi thuộc huyện Võ Nhai, Định Hoá.

Kiểu rừng rậm thường xanh nhiệt đới hình thành từ các loại đá gốc khác nhau và rừng thứ sinh thay thế. Phân bố chủ yếu ở vùng núi phía tây của tỉnh, một phần ở phía Bắc và Đông Bắc, đôi khi xen kẽ với kiểu rừng hình thành từ đất đá vôi. Thảm cây trồng chiếm gần 1/3 diện tích toàn tỉnh gồm có cây lâu năm (chủ yếu là chè, cây ăn quả: cam, chanh, quýt, bưởi, vải, nhãn, dứa…) và cây lương thực, thực phẩm (lúa, ngô, khoai, sắn, đỗ tương, lạc, rau xanh). Phân bố chủ yếu ở vùng đồng bằng phía nam và trung tâm của tỉnh.

2.5.3 Tài nguyên rừng

Thái Nguyên có diện tích rừng và đất lâm nghiệp gần 180 nghìn ha, chiếm 50,9% tổng diện tích đất tự nhiên. Diện tích trồng rừng tập trung trên địa bàn tỉnh đến hết tháng 6/2023 đạt hơn 2.700 ha, bằng gần 80% kế hoạch, tăng 7,22% so với cùng kỳ năm; số cây xanh trồng phân tán trên địa bàn tỉnh đạt 86 % kế hoạch đề ra... Thái Nguyên có nhiều khu rừng trải dài trên địa bàn, bao gồm cả rừng nguyên sinh. Rừng ở đây là môi trường sống của nhiều loài động vật và thực vật quý hiếm, đồng thời cũng là nguồn cung cấp gỗ, thuốc lá, cây ăn trái, nấm rừng, củ dược liệu, và các sản phẩm có giá trị khác. Theo Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy hoạch tỉnh Thái nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, diện tích rừng đến năm 2030 của tỉnh là 172.000 ha, trong đó: 35.652 ha rừng đặc dụng; 37.028 ha rừng phòng hộ và 99.320 ha rừng sản xuất.

2.5.4 Tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản phong phú về chủng loại, là một lợi thế so sánh lớn trong việc phát triển các ngành công nghiệp luyện kim, khai khoáng…Tỉnh Thái Nguyên có trữ lượng than lớn thứ hai trong cả nước; kim loại màu có thiếc, chì, kẽm, vonfram, vàng, đồng, niken, thủy ngân… Khoáng sản, vật liệu xây dựng cũng là tiềm năng nguyên liệu rất lớn để sản xuất xi măng, sản xuất đá ốp lát các loại và sản xuất vật liệu xây dựng. Tỉnh Thái Nguyên khuyến khích các dự án đầu tư chế biến sâu khoáng sản. Về than có 4 mỏ với trữ lượng trên 100 triệu tấn. Quặng sắt có 47 mỏ và điểm mỏ với trữ lượng gần 100 triệu tấn. Ti tan có 18 mỏ với trữ lượng thăm dò khoảng 18 triệu tấn; Thiếc có 3 mỏ với trữ lượng trên 13 triệu tấn; Vonfram với trữ lượng trên 110 triệu tấn... Về vật liệu

xây dựng có 2 mỏ sét với trữ lượng trên 80 triệu tấn; đá vôi xây dựng với trữ lượng 100 tỷ m^3; mỏ sét cao lanh với trữ lượng trên 20 triệu m^3...

2.5.5 Tài nguyên du lịch

Với lợi thế có nhiều danh lam thắng cảnh tự nhiên như Hồ Núi Cốc, hang Phượng Hoàng, các di tích lịch sử như: An toàn khu Việt Bắc - ATK, có rừng Khuôn Mánh và di tích khảo cổ học thời kỳ đồ đá cũ ở huyện Võ Nhai. Bên cạnh đó, còn có các di tích kiến trúc nghệ thuật, chùa, đình, đền tại nhiều địa phương trong tỉnh như: Khu Bảo tàng Văn hoá các dân tộc Việt Nam, Khu di tích vua Lý Nam Đế, Đền Đuổm, chùa Hang, chùa Phủ Liễn, đền Xương Rồng, đền Đội Cấn. Hiện nay, Thái Nguyên đang quy hoạch đầu tư Khu du lịch Hồ Núi Cốc, khu du lịch hang Phượng Hoàng, suối Mỏ Gà, Hồ Suối Lạnh... và hệ thống khách sạn chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế.

3. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ

Tỉnh Thái Nguyên là một trong những trung tâm công nghiệp lớn của cả nước. Với vị trí địa lý thuận lợi, nhiều tiềm năng, những năm gần đây kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên phát triển mạnh mẽ. Trong những năm qua, Thái Nguyên ghi nhận tốc độ tăng trưởng bình quân đạt hơn 14%, vốn đăng ký FDI lên đến 7,64 tỷ USD. Với những con số này, Thái Nguyên đang phát huy vai trò là một trong những điểm đến hấp dẫn, tin cậy cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Hiện Thái Nguyên là một trong những địa phương thu hút FDI lớn và hiệu quả nhất các tỉnh phía Bắc. Cơ cấu kinh tế trong những năm qua tiếp tục có bước chuyển dịch tích cực, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng tăng nhanh, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản trong tổng GRDP của tỉnh.

Hiện nay, các tập đoàn kinh tế lớn, có uy tín trong và ngoài nước đã đến Thái Nguyên đầu tư, môi trường đầu tư ngày càng sôi động, trở thành đòn bẩy để Thái Nguyên tiếp tục cải cách sâu rộng, phát triển nhanh, bền vững. Cùng với đó, việc bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội và thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện, chất lượng cuộc sống của người dân ngày một nâng cao.

Giai đoạn 2020-2025, tỉnh Thái Nguyên từng bước chuyển đổi cơ cấu kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, cạnh tranh của tỉnh, phát huy thế mạnh của từng địa phương trong tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt tỉnh đã phát huy các tiềm năng, lợi thế của tỉnh như: Vị trí địa lý; hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại; cơ chế ưu đãi đầu tư hấp dẫn; chính quyền năng động, thân thiện và luôn đồng hành cùng doanh nghiệp… Có thể nói, Thái Nguyên gần như có đủ các điều kiện hướng tới mục tiêu xây dựng Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm kinh tế công nghiệp hiện đại của Khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và vùng thủ đô Hà Nội vào năm 2030.

Năm 2022, mặc dù tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới có nhiều biến động gây ảnh hưởng chung đến phát triển kinh tế của Việt Nam, tuy nhiên Thái Nguyên vẫn đạt được mức tăng trưởng cao. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 150.195 tỷ đồng (tương ứng với 6,3 tỷ USD) đứng thứ 2 vùng Trung du và miền núi phía Bắc và đứng thứ 6 vùng thủ đô sau Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Bắc Giang và Vĩnh Phúc. GRDP bình quân đầu người đạt 95,1 triệu đồng (tương ứng với 4.161 USD), đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc và nằm trong top 12 tỉnh thành có GRDP đầu người cao nhất cả nước (Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, 2022).

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2022 của Thái Nguyên ước đạt 8,59%, vượt kế hoạch (kế hoạch là tăng 8%). Khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản tăng 4,23%, đóng góp 0,41 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,75%, đóng góp 6,15 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,35%, đóng góp 2,03 điểm phần trăm.

Sản xuất công nghiệp của Thái Nguyên cũng đạt được mức tăng trưởng cao, vượt kế hoạch đã đề ra, tiếp tục đóng vai trò trụ cột, là động lực dẫn dắt tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp của tỉnh tăng 110,83% trong năm 2022. Bên cạnh đó, các ngành kinh tế khác của tỉnh Thái Nguyên cũng đạt được các kết quả ấn tượng về sản xuất nông lâm nghiệp,

thủy sản và hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch… Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 – 2022 có xu hướng tăng từ 116,1 tỷ đồng năm 2018 lên 126,5% vào năm 2022.

Tuy nhiên, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên còn phải đối mặt với nhiều thách thức lớn, nhất là kinh tế có độ mở lớn nên sẽ chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi tình hình kinh tế, chính trị thế giới phức tạp, khó lường: lạm phát tăng cao trên toàn cầu; giá cả nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất vẫn ở mức cao; giá cả hàng hóa thiết yếu có xu hướng tăng cao, đặc biệt là thời điểm cuối năm; nhu cầu của các thị trường xuất khẩu lớn giảm...

Năm 2023, tỉnh Thái Nguyên phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) 8,5%, GRDP bình quân đầu người đạt 115 triệu đồng/người/năm, giá trị xuất khẩu tăng 9%, trong đó xuất khẩu địa phương tăng 10%, giá trị sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tăng 9,5%; Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,5%; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 20.000 tỷ đồng; Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm đạt 11 xã; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 96,5%.

II. CÁC SẢN PHẨM ĐẶC TRƯNG CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN

2.1 Tình hình phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, OCOP của tỉnh Thái Nguyên

Những năm qua, tỉnh đã tập trung đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, hình thành các vùng sản xuất tập tập trung. Cùng với đó, tỉnh quan tâm xây dựng thương hiệu và phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP để không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước mà còn hướng tới xuất khẩu. Bên cạnh đó, Thái Nguyên cũng tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, qua đó, tạo ra những sản phẩm nông nghiệp mới, đa dạng, góp phần quan trọng nâng cao đời sống cho nông dân, thúc đẩy nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững.

Thái Nguyên nổi tiếng với các sản phẩm đặc trưng như chè, cà phê, mật ong và nhiều loại trái cây như xoài, sầu riêng, vải, dừa… Tất cả các sản phẩm này đều có chất lượng cao và được sản xuất theo quy trình đảm bảo an toàn vệ

sinh thực phẩm. Thực hiện Đề án Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các địa phương trong tỉnh đã tập trung phát triển một số sản phẩm chủ lực nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế trong sản xuất nông nghiệp, tạo ra sản phẩm hàng hóa có số lượng lớn, giá trị cao, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, đồng thời góp phần đã dạng hóa sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã hình thành nhiều vùng sản xuất tập trung, tiêu biểu như: Vùng sản xuất lúa thâm canh ở các xã Tân Đức (Phú Bình); Minh lập (Đồng Hỷ); Minh Đức (thành phố Phổ Yên); vùng sản xuất na ở các xã La Hiên, Phú Thượng (Võ Nhai); vùng sản xuất bưởi ở xã Tiên Hội (Đại Từ); vùng trồng nhãn ở xã Phúc Thuận (thành phố Phổ Yên), Quân Chu (Đại Từ); vùng sản xuất rau an toàn ở Huống Thượng, Đồng Liên (thành phố Thái Nguyên), thị trấn Hùng Sơn (Đại Từ)… Đặc biệt, trong năm 2022, lần đầu tiên Thái Nguyên có 36 mã số vùng trồng chè, cây ăn quả, lúa được cơ quan chuyên môn cấp mã số vùng trồng. Đây chính là điều kiện thuận lợi để nông sản Thái Nguyên có thể xuất khẩu.

Việc hình thành các vùng sản xuất tập trung đã giúp tỉnh tạo ra những sản phẩm nông nghiệp đặc trưng mang tính vùng miền, phù hợp với lộ trình của Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Trong đó, một số sản phẩm như: Trà tôm nõn Hảo Đạt của Hợp tác xã chè Hảo Đạt, ở xã Tân Cương (thành phố Thái Nguyên) và miến dong Việt Cường, của Hợp tác xã miến Việt Cường, ở xã Hóa Thượng (Đồng Hỷ), là 2 trong số 20 sản phẩm được Trung ương xếp hạng sản phẩm OCOP cấp quốc gia (5 sao) năm 2021.

Bên cạnh đó, sau hơn 4 năm triển khai Đề án mỗi xã một sản phẩm (OCOP), hiện tại tỉnh Thái Nguyên đã có 173 sản phẩm OCOP (91 sản phẩm 3 sao; 80 sản phẩm 4 sao; 2 sản phẩm 5 sao), với 91 chủ thể OCOP. Các sản phẩm OCOP đều đã sử dụng nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm OCOP Việt Nam (logo OCOP), đa dạng về mẫu mã, bao bì đẹp, sang trọng, tiện lợi và có mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc. Các cơ sở sản xuất, chế biến đã được các chủ thể quan tâm

đầu tư và nâng cấp để góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Với nhiều sản phẩm đặc trưng, như: Chè, gạo, mỳ gạo, thịt hươu sấy khô, cao ngựa bạch, na, miến… Sau khi được đánh giá xếp hạng OCOP, giá trị kinh tế của các sản phẩm nâng lên từ 20% trở lên. Doanh số bán hàng của các đơn vị có sản phẩm đạt 3 sao, 4 sao, 5 sao tăng từ 20% - 50%, đặc biệt có sản phẩm tăng doanh số từ 70-100% như: Sản phẩm miến của Hợp tác xã miến Việt Cường, sản phẩm chè của Hợp tác xã chè Hảo Đạt, Hợp tác xã Sơn Dung trà…

Nhiều chủ thể OCOP đã tham gia vào liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; đồng thời cải tiến về chất lượng, mẫu mã, bảo đảm điều kiện, quy định về tem, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đến nay, cơ bản 100% sản phẩm OCOP của tỉnh đã được hỗ trợ và đưa lên 2 sàn Postmart.vn, Voso.vn. Ngoài ra, tỉnh tập trung phát triển hệ thống gian hàng, các điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP đặc trưng của các địa phương.

Chương trình OCOP đã góp phần thúc đẩy cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa tập trung, xây dựng thương hiệu, gia tăng giá trị sản phẩm và nâng cao trình độ sản xuất kinh doanh của các chủ thể; đồng thời đã phát huy được các tiềm năng lợi thế sẵn có từ các sản phẩm truyền thống văn hóa địa phương. Nhờ đó, đã tạo ra các sản phẩm có chất lượng phục vụ du lịch và dịch vụ. Giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thái Nguyên tiếp tục xác định đưa Chương trình OCOP trở thành chương trình phát triển kinh tế quan trọng, gắn với nông thôn mới, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, lấy người dân là chủ thể thực hiện; phấn đấu chuẩn hóa ít nhất 70 sản phẩm được chứng nhận OCOP, trong đó có 5 sản phẩm đạt 5 sao cấp quốc gia.

Trong khi đó, Sàn thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên đã được triển khai vận hành kể từ năm 2010. Đến nay, đã có 240 cơ sở, doanh nghiệp, Hợp tác xã tham gia với trên 2.600 sản phẩm. Với mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh hoạt động mua sắm trực truyến, giới thiệu, quảng bá, xúc tiến kết nối tiêu thụ sản phẩm đặc trưng, sản phẩm tiêu biểu của các tỉnh, thành phố trên sàn thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên. Đáng chý ý, đến nay, đã có gần 190 nghìn hộ sản xuất nông nghiệp được tạo tài khoản để đưa sản phẩm lên giao dịch trên sàn thương mại điện tử với

1.852 sản phẩm, tổng số giao dịch trên 2 sàn Postmart.vn và Voso.vn là 14.594 sản phẩm. Cung cấp danh sách các cơ sở có sản phẩm đạt Chứng nhận OCOP của tỉnh, cơ sở được cấp xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, tham gia trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP và các sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu tại các hệ thống siêu thị, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên cả nước.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cũng đã ban hành Đề án "Phát triển 6 sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030". Theo đó, tỉnh sẽ tập trung phát triển 6 sản phẩm nông nghiệp chủ lực, bao gồm: Chè, Cây ăn quả, Thịt lợn, Thịt Gà, Gỗ, Quế cùng những chính sách khuyến khích phát triển từng loại sản phẩm gắn với vùng sản xuất tập trung của 9 huyện, thành, thị. Giai đoạn 2021-2030, toàn tỉnh bố trí trên 2.700 ha đất chuyển đổi từ đất trồng lúa và cây ăn quả kém hiệu quả, đất rừng sản xuất để trồng Na, Nhãn, Bưởi, đồng thời hỗ trợ 100% giá cây giống. Đối với sản phẩm thịt lợn, thịt gà và trứng khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển trang trại theo hướng an toàn sinh học gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, đối với sản phẩm gỗ khuyễn khích trồng rừng gỗ lớn, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến gỗ.

2.2 Giới thiệu một số sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, sản phẩm OCOP tiêu biểu của tỉnh Thái Nguyên

2.2.1 Chè

Thái Nguyên được biết đến là "Đệ Nhất Danh Trà", nổi tiếng trong và ngoài nước bởi hương vị đặc trưng, độc đáo, ghi dấu ấn đậm nét trong văn hóa trà Việt. Đặc biệt, cây chè là cây trồng thế mạnh của tỉnh, với những vùng chè đặc sản như Tân Cương, La Bằng, Trại Cài, Tức Tranh... Sản phẩm chủ yếu là chè xanh đặc sản được sản xuất bằng phương pháp truyền thống; sản xuất chè của tỉnh đang phát triển mạnh theo hướng nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm; nhiều thương hiệu nổi tiếng của chè Thái Nguyên đang được tiêu thụ rộng rãi trong nước và quốc tế (như Đài Loan, Trung Quốc, Mỹ, Nga, Anh, Pakistan…); một số sản phẩm đặc sản đã đạt được giải thưởng lớn tại các cuộc thi chất lượng chè quốc tế do Hiệp hội chè Bắc Mỹ tổ chức. Ngoài đạt nhiều giải cao tại các cuộc thi chè quốc tế, một số sản phẩm chè đã được chọn làm quà

tặng cho đại biểu tại Hội nghị APEC năm 2017. Đến nay, nhãn hiệu tập thể "Chè Thái Nguyên" đã được bảo hộ tại 6 quốc gia và vùng lãnh thổ gồm: Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan (Trung Quốc).

Thái Nguyên là tỉnh có diện tích chè lớn nhất cả nước, với trên 22,2 nghìn ha, trong đó diện tích chè cho sản phẩm đạt 20,9 nghìn ha. Sản lượng chè búp tươi đạt trên 260.000 tấn, giá bán chè Thái Nguyên luôn ở mức cao hơn các vùng chè khác trong cả nước. Trong đó, chè giống mới chiếm 80% diện tích. Nhờ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng, chăm sóc, chế biến nên năng suất, chất lượng chè Thái Nguyên không ngừng tăng lên, hiện nay, năng suất chè toàn tỉnh đạt 123,8 tạ búp tươi/ha/năm, sản lượng chè qua chế biến đạt khoảng 50 nghìn tấn. Được tập trung chủ yếu ở các vùng chè chuyên canh cao như: Vùng chè Tân Cương (thành phố Thái Nguyên); vùng chè La Bằng, Tân Linh (Đại Từ); vùng chè Minh Lập, thị trấn Sông Cầu (Đồng Hỷ); vùng chè Vô Tranh, Tức Tranh (Phú Lương)…

Chè là cây trồng thế mạnh, được xác định là một trong 6 sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh có giá trị thương hiệu lớn, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Chính vì vậy, trong năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành văn bản về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ diện tích đất sử dụng vào mục đích trồng chè; yêu cầu các địa phương không chuyển mục đích sử dụng đất trồng chè trong khu vực bảo vệ, phát triển vùng trồng chè sang mục đích khác.

Chè Thái Nguyên nổi tiếng với các sản phẩm chế biến tinh, sâu, chất lượng cao cùng với bao bì, mẫu mã đẹp, sang trọng. Ngoài đạt nhiều giải cao tại các cuộc thi chè quốc tế, một số sản phẩm chè đã được chọn làm quà tặng cho đại biểu tại Hội nghị APEC năm 2017. Đến nay, nhãn hiệu tập thể "Chè Thái Nguyên" đã được bảo hộ tại 6 quốc gia và vùng lãnh thổ gồm: Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan (Trung Quốc). Xuất khẩu chè xanh chất lượng cao có xu hướng tăng đối với các thị trường khó tính như Ba Lan, Đức, Mỹ, Nhật... một số doanh nghiệp như Công ty Cổ phần chè Tân Cương Hoàng Bình, Công ty Cổ phần chè Hà Thái đã liên kết với các hợp tác

xã, tổ hợp tác, các hộ sản xuất để thu mua nguyên liệu chè búp tươi an toàn, chế biến và xuất bán sản phẩm chè thành phẩm đặc sản với mức giá cao.

Hiện phần lớn cây chè trong của tỉnh Thái Nguyên đều được trồng, sản xuất, chế biến theo quy trình sạch, đóng gói hút chân không mẫu mã đẹp, có thương hiệu và là sản phẩm OCOP nên được bán trên các sàn giao dịch điện tử hoặc tại cửa hàng, siêu thị, trung tâm thương mại… giá trị gia tăng cao hơn trước. Điển hình, Hợp tác xã Chè Hảo Đạt ở xã Tân Cương, nhờ nỗ lực liên kết, mở rộng vùng nguyên liệu, đầu tư nâng công suất và quy trình chế biến sạch, sản phẩm chè đã đạt tiêu chuẩn OCOP 5 sao. Trong đó, chè tôm nõn Hảo Đạt ở xã Tân Cương (TP. Thái Nguyên) là một trong số 20 sản phẩm được Trung ương xếp hạng sản phẩm OCOP 5 sao cấp quốc gia. Năm 2022, hợp tác xã đạt doanh thu gần 50 tỷ đồng, giải quyết việc làm thường xuyên cho 25 công nhân và hàng trăm hộ liên kết trong vùng trồng, tăng diện tích chè sạch lên hàng trăm héc-ta.

Toàn tỉnh Thái Nguyên phấn đấu đến năm 2025 tổng diện tích chè đạt 23.500 ha, sản lượng búp tươi đạt 273.000 tấn/năm, giá trị sản xuất đạt 350 triệu đồng/ha; năm 2030: 24.500 ha, sản lượng 292.000 tấn. Đặc biệt, tỉnh Thái Nguyên xác định trong giai đoạn 2021-2025 sẽ trồng mới 1.100 ha chè, trồng thay thế 1.050 ha, đạt diện tích 23.500 ha, giống mới chiếm 85% với cơ cấu giống chè trồng mới, thông thay thế gồm chè Kim Tuyên, Hương Bắc Sơn, LDP1, TRI777... Sản xuất chè tỉnh Thái Nguyên đến 2025, định hướng 2030 chủ yếu theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, tiếp tục mở rộng thêm diện tích đối với nơi có điều kiện; chế biến chè truyền thống, chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường; nâng cao sức cạnh tranh thương hiệu chè Thái Nguyên thị trường tiềm năng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

Thông tin liên hệ: HTX Chè Tân Cương Hảo Đạt

Địa chỉ: Xã Tân Cương – thành phố Thái Nguyên – tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0983 746 042; 0988 746 042

Email: chehaodattancuong@gmail.com

Sản phẩm: Chè đinh, chè tôm nõn, chè móc câu...

- Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Cương Hoàng Bình

Địa chỉ: Đường Tố Hữu, xóm Gò Móc, Xã Quyết Thắng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 02083746433 – 091251

Sản phẩm: Trà túi lọc,, trà thảo mộc, trà gói...

2.2.2 Cây ăn quả

Cây ăn quả được xác định là một trong 6 sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Thái Nguyên. Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện đã hình thành các vùng trồng cây ăn quả tập trung chất lượng cao. Đến nay, Thái Nguyên đã hình thành 8 vùng chuyên canh các loại cây ăn quả với tổng diện tích trên 420 ha, tập trung tại các địa phương có truyền thống trồng cây ăn quả như Võ Nhai, Phổ Yên, Đại Từ, Đồng Hỷ… Cơ cấu, chủng loại cây ăn quả khá phong phú, hiện có khoảng 22 loại, trong đó, nổi bật là cây Na ở La Hiên, cây nhãn, cây thanh long ở xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên; bưởi, chuối, ổi ở các xã Phú Thượng, Tràng Xá, Lâu Thượng, huyện Đại Từ; nhãn ở xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ… Trong phát triển cây ăn quả ở Thái Nguyên các địa phương và người sản xuất cũng đã chú trọng việc quảng bá, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Song song với việc đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, việc xây dựng chỉ dẫn địa lý, đăng ký chứng nhận bảo hộ tập thể… cho các loại cây ăn quả đã được Thái Nguyên thực hiện có hiệu quả.

Bên cạnh đó, tỉnh Thái Nguyên đã ban hành một số cơ chế, chính sách để khuyến khích bà con nông dân xây dựng các vùng chuyên canh cây ăn quả với quy mô lớn và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn. Đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh diện tích cây na đạt gần 1.000 ha; cây nhãn đạt trên 1.680 ha; cây bưởi đạt gần 2.060 ha và cây ổi đạt gần 680 ha. Hiện nay, một số loại cây ăn quả đã và đang được đầu tư phát triển với diện tích lớn phải kể đến là vải, nhãn với 4.600 ha, sản lượng 17,8 nghìn tấn quả/năm; cây chuối có trên 1.800 ha, sản lượng 24,7 nghìn tấn quả/năm; cây na gần 790 ha, sản lượng đạt 6.500 tấn quả/năm. Các loại cây ăn quả như: na, nhãn, bưởi, ổi đang mang

lại hiệu quả kinh tế cao, được tỉnh Thái Nguyên chú trọng phát triển theo hướng nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Để phát triển cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hóa, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân, thời gian qua, địa phương đã chỉ đạo làm tốt công tác quy hoạch; đồng thời, khuyến khích các hộ dân sản xuất cây ăn quả theo mô hình trang trại hoặc thành lập nhóm hộ, hợp tác xã và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng và thực hiện các mô hình sản xuất cây ăn quả đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy trình VietGAP. Tỉnh cũng hướng tới ban hành chính sách đặc thù cho các cá nhân, doanh nghiệp chế biến, thu mua sản phẩm hoa quả nói riêng và đầu tư vào nông nghiệp nói chung.

Một số địa phương đã hình thành một số vùng trồng na, nhãn, bưởi như: Vùng na tại các xã La Hiên, Lâu Thượng, Phú Thượng (huyện Võ Nhai) khoảng 300 ha; vùng nhãn tại các xã Phúc Thuận (thị xã Phổ Yên), xã Quân Chu (huyện Đại Từ) khoảng 500 ha; vùng bưởi tại xã Tiên Hội (huyện Đại Từ), xã Tràng Xá, Dân Tiến, Phương Giao (huyện Võ Nhai) diện tích khoảng 500 ha; bước đầu áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật như giống, thụ phấn bổ sung, điều khiển ra hoa, tưới nước, bón phân, thu hoạch, sử dụng túi bao quả... tuy nhiên diện tích áp dụng còn hạn chế, vẫn xảy ra hiện tượng ra quả cách năm ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng quả. Sản phẩm "Nhãn Phúc Thuận" và "Na La Hiên" đã được cấp chứng nhận "Nhãn hiệu tập thể", một số diện tích đã áp dụng tiêu chuẩn VietGAP, trong đó diện tích được cấp chứng nhận đạt 355 ha, hiện nay đang thực hiện truy xuất nguồn gốc. Tuy nhiên hầu hết các vùng sản xuất na, nhãn đều chưa có liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, chủ yếu được tiêu thụ sản phẩm quả tươi do các tư thương thu mua và tiêu thụ tại thị trường trong và ngoài tỉnh (khoảng 80 - 90%), chưa đầu tư chế biến sâu, sản phẩm chế biến "Long nhãn" với số lượng ít tại vùng nhãn thị xã Phổ Yên và huyện Đồng Hỷ.

Các loại cây ăn quả như na, nhãn, bưởi hiện nay mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, đây là những loại cây trồng có thể điều chỉnh rải vụ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch và có mức giá bán cao nhất trong vụ (chín vào đầu vụ và cuối vụ), hạn chế được tình trạng được mùa mất giá trong điều kiện chưa có đầu tư chế

biến các thực phẩm từ quả na, nhãn, bưởi (quả bưởi có thể bảo quản và sử dụng trong 4 đến 6 tháng). Sản phẩm na, nhãn, bưởi đang có thị trường tiêu thụ ổn định trong tỉnh và các thị trường lân cận; sản phẩm quả na được đánh giá là loại quả ít chịu sức ép cạnh tranh với quả cùng loại ở các vùng khác, cây na thích hợp ở vùng đất núi đá vôi và khí hậu đặc thù. Trong thời gian tới cần chú trọng đầu tư mở rộng các vùng hiện có và hình thành mới các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung có chất lượng, tạo sản phẩm hàng hóa lớn.

Trong đó, cây na là một trong những cây nông nghiệp chủ lực của huyện Võ Nhai, với gần 700 ha trồng na, trong đó có gần 200 ha đã được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP. Diện tích na chủ yếu trồng tập trung tại La Hiên và một số xã, thị trấn lân cận như Lâu Thượng, Phú Thượng, Đình Cả, Tràng Xá, Dân Tiến và Phương Giao… Sản lượng quả na mỗi năm đạt khoảng 6.000 tấn; Năm 2018, Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) đã cấp nhãn hiệu tập thể “Na La Hiên” cho huyện Võ Nhai. Năm 2020 sản phẩm “Na La Hiên” đạt chuẩn OCOP 3 sao.

Cây na được coi là "cây thoát nghèo" của bà con nơi đây, bình quân mỗi héc-ta trồng na có thể cho khoảng 15 tấn quả, giá trị lợi nhuận lên tới 400 triệu đồng/năm. Những năm gần đây, huyện Võ Nhai đã có nhiều giải pháp để quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm na và nông sản địa phương. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua việc thúc đẩy sản xuất theo hướng an toàn, hữu cơ. Đồng thời, minh bạch quy trình sản xuất, áp dụng sản xuất theo chuỗi sản phẩm để tăng giá trị sản phẩm… Nhờ đó, không chỉ quả na mà nhiều mặt hàng nông sản khác của huyện cũng được tiêu thụ rộng rãi ở trong và ngoài tỉnh và bước đầu xây dựng được thương hiệu.

Để nâng cao hiệu quả kinh tế đối với sản phẩm na La Hiên, Sở Khoa học và Công nghệ Thái Nguyên phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh đang thực hiện dự án khoa học trồng na rải vụ. Ngoài ra, một số địa phương của huyện Võ Nhai đã đưa giống na tím New Zealand và na Đài Loan vào trồng để đánh giá hiệu quả trước khi nhân rộng. Vụ năm 2023, na La Hiên có mức giá từ 45.000 - 60.000 đồng/kg, giá bán cao hơn so với năm ngoái. Sản phẩm được dán

tem nhãn và mã QR code để người tiêu dùng có thể truy xuất nguồn gốc, từng bước xây dựng thương hiệu bền vững.

Theo Đề án "Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tỉnh Thái Nguyên đặt mục tiêu, đến năm 2025, diện tích cây ăn quả các loại toàn tỉnh đạt 17.600 ha (năm 2020: 15.800 ha), sản lượng 111.500 tấn; năm 2030 diện tích đạt 18.600 ha, sản lượng 120.200 tấn. Diện tích mở rộng chủ yếu ở vùng trồng na, nhãn, bưởi tập trung thuộc các huyện, thành phố, thị xã. Trong đó, đến năm 2025 diện tích cây na đạt 1.530 ha, sản lượng 13.300 tấn; cây nhãn 2.360 ha, sản lượng 9.850 tấn; cây bưởi 2.370 ha, sản lượng 21.500 tấn. Đến năm 2030, diện tích cây na 2030 ha, sản lượng 18.500 tấn; cây nhãn 2.660 ha, sản lượng 11.300 tấn; cây bưởi 2.570 ha, sản lượng 23.400 tấn. Phát triển cây ăn quả tỉnh Thái Nguyên theo hướng tập trung vào những loại cây ăn quả thế mạnh, đặc sản của tỉnh (na, nhãn, bưởi). Mở rộng diện tích, hình thành các vùng sản xuất tập trung, thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, GAP, hữu cơ...

Đến năm 2025, tổng sản lượng na, nhãn, bưởi đạt 44.650 tấn, tăng 13.810 tấn so với năm 2020; đến năm 2030, tổng sản lượng đạt 53.200 tấn, tăng 22.360 tấn (gấp 1,72 lần) so với năm 2020, chiếm 44,3% tổng sản lượng cây ăn quả các loại của toàn tỉnh. Diện tích sản xuất cây ăn quả theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ ưu tiên những vùng sản xuất na, nhãn, bưởi tập trung. Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ đến năm 2025 là 1.600 ha (hữu cơ 100 ha; GAP 1.500 ha), 25,5% tổng diện tích na, nhãn, bưởi. Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ đến năm 2030 là 2.600 ha, chiếm 35,8% tổng diện tích na, nhãn, bưởi, tăng thêm so với năm 2025 là 1.000 ha.

- Thông tin liên hệ: Tổ hợp tác sản xuất Na VietGap Hiên Minh

Địa chỉ: xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0358836719

Sản phẩm: Na La Hiên - Tiêu chuẩn VietGap

2.2.3 Cây Quế

Cây quế được xác định là một trong 6 sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Thái Nguyên. Những năm gần đây, quế là loại cây được nhiều hộ dân trong tỉnh lựa chọn trồng để cung cấp nguồn dược liệu và gỗ cho thị trường, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh hiện chưa có nhà máy chế biến sâu sản phẩm quế, việc tiêu thụ vỏ, thân, lá quế chủ yếu phụ thuộc vào thương lái. Chính vì vậy, nếu người dân ồ ạt mở rộng diện tích vùng trồng quế sẽ khiến loại cây trồng này đứng trước nguy cơ phát triển nóng, gặp nhiều rủi ro. Theo ước tính tổng giá trị kinh tế của 1ha quế (trong vòng 15 năm) có thể đạt trên 550 triệu đồng (thu nhập từ việc tỉa thưa để thu cành, lá, vỏ, thân gỗ), cao gấp 2-3 lần so với trồng keo. Do vậy, thời gian qua, nhiều hộ dân trong tỉnh đã chuyển sang trồng loại cây này.

Với đặc tính dễ chăm sóc và cho thu nhập cao, thời gian qua, nhiều hộ dân trong tỉnh đã mạnh dạn chuyển đổi các diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng quế. Tuy nhiên, điều đáng nói là bà con vẫn chủ yếu trồng quế theo kinh nghiệm, mật độ dày, chưa tuân thủ khoảng cách giữa các cây. Đặc biệt, các sản phẩm chế biến từ quế mới chỉ dừng lại ở dạng thô, giá thành không cao và thị trường tiêu thụ thiếu bền vững.

Trong khi đó, việc liên kết tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường; trong đó, liên kết giữa các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu với người trồng quế chưa phát triển. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh cũng chưa có nhà máy chế biến sâu sản phẩm quế, đầu ra phụ thuộc thương lái. Chính vì vậy, nếu người dân tự ý mở rộng vùng trồng quế mà không tuân thủ theo quy hoạch sẽ dẫn đến tình trạng phát triển "nóng" và gặp khó về đầu ra giống như một số loại cây trồng khác trong thời gian qua, như: vải, bưởi, nhãn…

Cây quế đã và đang mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân địa phương. Nhưng để phát triển bền vững, Thái Nguyên cần nhiều hơn nữa các chính sách khuyến khích, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư theo hướng chế biến sâu, tìm kiếm thị trường, hình thành chuỗi liên kết từ việc ươm, trồng, chế biến đến tiêu thụ. Hiện nay, huyện Định Hóa và Võ Nhai là 2 địa phương đang phát triển mạnh cây quế ở Thái Nguyên. Đối với Định Hóa, từ năm 2016 đến nay, địa

phương đã hỗ trợ người dân trồng được gần 3.000 ha quế, phấn đấu đến năm 2030 toàn huyện trồng được 10.000 ha. Còn tại Võ Nhai, diện tích quế đạt trên 300 ha. Huyện đặt mục tiêu đến năm 2025, diện tích trồng quế đạt trên 500 ha và đến năm 2030 đạt trên 1.000 ha.

Tỉnh Thái Nguyên đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, diện tích trồng quế đạt 6.500 ha, năm 2030 đạt 11.500 ha; giá trị sản phẩm thu được trên 1 chu kỳ sản xuất (giá hiện hành) đến năm 2025 đạt 425 triệu đồng/ha/chu kỳ (10 năm) và đến năm 2030 đạt 1 tỷ đồng/ha/chu kỳ (15 năm). Hình thành vùng trồng quế tập trung, theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, quảng bá thương hiệu quế và các sản phẩm chế biến từ quế đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Duy trì 2.700 ha rừng quế hiện có tại huyện Định Hóa, trồng mới 3.800 ha (huyện Định Hóa 3.300 ha, huyện Võ Nhai 500 ha); năm 2030 diện tích quế 11.500 ha (huyện Định Hóa 10.000 ha, huyện Võ Nhai 1.500 ha). Định hướng vùng sản xuất tập trung tại các xã thuộc huyện Định Hóa: xã Bộc Nhiêu, Lam Vĩ, Trung Lương, Phúc Chu, Phú Tiến, Trung Hội, Phượng Tiến, Bảo Linh, Bảo Cường, Kim Phượng, Quy Kỳ, Bình Thành...; huyện Võ Nhai: Vũ Chấn, Cúc Đường, Nghinh Tường, Sảng Mộc. Giai đoạn 2021-2025 trồng mới 3.800 ha, giá trị sản xuất quế ước đạt 425 triệu/ha/chu kỳ 10 năm. Giai đoạn 2026-2030 trồng mới 5.000 ha, giá trị sản xuất quế ước đạt 1.000 triệu/ha/chu kỳ 15 năm.

2.2.4 Thịt lợn

Thịt lợn được xác định là một trong 6 sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Thái Nguyên. Trong những năm qua, ngành sản xuất chăn nuôi của tỉnh Thái Nguyên đang phát triển theo hướng tích cực, là ngành chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất nông nghiệp. Chăn nuôi quy mô trang trại phát triển nhanh, đang thay thế dần chăn nuôi nhỏ lẻ ở các hộ gia đình với việc áp dụng phương thức chăn nuôi tiên tiến, đồng bộ, năng suất, chất lượng đàn vật nuôi được cải thiện rõ rệt, hiệu quả kinh tế cao.

Theo thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Nguyên, hiện toàn tỉnh có tổng đàn hợn hơn 650 nghìn con; 15,8 triệu con gia cầm; trên

90 nghìn con trâu, bò với tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt trên 212 nghìn tấn/năm. Lĩnh vực chăn nuôi chiếm 44,5% giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thuỷ sản và hơn 50% giá trị sản xuất nội ngành nông nghiệp của tỉnh. Thị trường thịt lợn của tỉnh Thái Nguyên tiêu thụ trong tỉnh chiếm khoảng 50% sản lượng, tiêu thụ ngoài tỉnh và xuất bán tiểu ngạch chủ yếu sang Trung Quốc khoảng 50% sản lượng. Sản phẩm thịt lợn tiêu thụ chủ yếu là thịt nóng, tỷ lệ chế biến thấp (khoảng 5%).

Thái Nguyên hiện có hơn 1.100 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; trong đó có 57 trang trại chăn nuôi lợn quy mô lớn, 723 trang trại chăn nuôi lợn, gia cầm quy mô vừa và hơn 300 trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ. Hiện hầu hết các trang trại chăn nuôi ở Thái Nguyên đã sản xuất theo chuỗi liên kết kép kín, tuần hoàn trong cung cấp thức ăn, giống, thuốc thú y, xử lý môi trường và tiêu thụ sản phẩm; đồng thời ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất như: sử dụng 100% giống ngoại năng suất, chất lượng cao, hệ thống chuồng kín, trang bị đèn sưởi, silo, máng ăn tự động, máy tiêm, máy bấm răng nanh, gắn chíp điện tử thẻ tai, đầu tư hệ thống quạt làm mát, phun tắm tự động...

Tỉnh Thái Nguyên đến nay đã xây dựng được 22 chuỗi sản xuất chăn nuôi gắn với giết mổ, tiêu thụ sản phẩm, chế biến. Nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại đã áp dụng mô hình chăn nuôi tuần hoàn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm hiệu quả. Điển hình là 13 công ty, doanh nghiệp chăn nuôi quy mô lớn như: CP, Japfa comfeed, Emivet, Emoss, CJ Vina Agri, Dabaco… đã liên doanh, liên kết với 400 trang trại để hình thành chuỗi sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Tỉnh Thái Nguyên đặt mục tiêu đến năm 2025 tổng đàn lợn đạt 750.000 con, sản lượng thịt hơi 110.000 tấn, tăng 25% so với năm 2020; đến năm 2030 tổng đàn 900.000 con, sản lượng 130.000 tấn, tăng 50% so với năm 2020.

Xác định vùng chăn nuôi tập trung, trang trại theo quy hoạch phát triển chăn nuôi của các huyện, thành phố, thị xã; thực hiện nghiêm chỉnh quy định về vùng không được phép chăn nuôi, dịch chuyển chăn nuôi ra xa đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch, vùng nước đầu nguồn, các vùng quy hoạch sản xuất chè tập trung có thương hiệu nổi tiếng của tỉnh. Chủ yếu phát triển ở

các huyện có quỹ đất rộng như: Đại Từ, Định Hóa, Võ Nhai, Phú Lương, Đồng Hỷ, Phú Bình, thị xã Phổ Yên… Xây dựng chuỗi cung cấp sản phẩm thịt lợn, gà an toàn, chất lượng; thành lập các hợp tác xã chăn nuôi an toàn, VietGAP, hữu cơ cung cấp sản phẩm cho chuỗi...

2.2.5 Thịt Gà

Thịt gà được xác định là một trong 6 sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Thái Nguyên. Trong những năm qua chăn nuôi gia cầm phát triển mạnh, tăng nhanh về số lượng, chất lượng, các giống gà lông mầu thả vườn, gà bản địa có chất lượng, giá trị kinh tế cao chiếm 80% tổng đàn, tăng 45% so năm 2015. Chăn nuôi gia cầm quy mô trang trại chiếm 40%, chăn nuôi nông hộ chiếm 60% tổng đàn gia cầm. Toàn tỉnh hiện có 406 trang trại (276 trang trại chăn nuôi theo hình thức gia công và 130 trang trại tư nhân). Chăn nuôi gia cầm, chủ yếu nuôi bằng hệ thống chuồng kép kín có điều kiển nhiệt độ, cấp thức ăn, nước uống tự động, sử dụng 100% thức ăn công nghiệp và áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học. Sản phẩm thịt gà và trứng gà chủ yếu được sử dụng tươi không qua bảo quản và chế biến, tiêu thụ ở trong nước.

Hiện đã hình thành một số chuỗi liên kết sản xuất từ chăn nuôi - giết mổ - tiêu thụ (hợp tác xã gà Đông Thịnh, huyện Phú Bình, Công ty chăn nuôi Phú Gia, công ty liên doanh của CP, Japfa, EmiVet...). Tỉnh Thái Nguyên đặt mục tiêu đến năm 2025 tổng đàn gà 15 triệu con, sản lượng thịt hơi 52.515 tấn, sản lượng trứng 450 triệu quả; năm 2030 tổng đàn gà 15,5 triệu con, sản lượng thịt hơi 56.000 tấn, sản lượng trứng 470 triệu quả.

2.2.6 Gỗ

Tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp tỉnh Thái Nguyên là 179.914,28 ha trong đó: Rừng tự nhiên 101.299,32 ha, rừng trồng 62.231,86 ha. Trên địa bàn tỉnh chủ yếu là trồng rừng kinh doanh gỗ nhỏ, tuổi khai thác chủ yếu từ 5 - 7 năm, năng suất bình quân khoảng từ 65 - 70 m^3/ha, lượng tăng trưởng hàng năm thấp, trung bình đạt từ 8 - 10 m^3/ha/năm. Gỗ rừng trồng chủ yếu là cung cấp gỗ nhỏ làm nguyên liệu giấy, dăm gỗ,... có giá trị kinh tế thấp; chưa phát triển rừng trồng gỗ lớn phục vụ cho sản xuất đồ mộc, gỗ xuất khẩu với giá trị kinh tế cao.

Tỉnh Thái Nguyên hiện có 107 cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp, công suất trên 22 triệu cây/năm đủ cung cấp cho nhu cầu trồng rừng trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Tập đoàn cây trồng rừng sản xuất gồm: Keo tai tượng, keo lai, bạch đàn, mỡ, lát hoa, trám, xoan, thông,... trong đó, cây keo vẫn là loài cây được lựa chọn đưa vào trồng rừng với tỷ lệ trên 80% diện tích. Tuy nhiên việc quản lý, giám sát chất lượng giống cây lâm nghiệp còn bất cập và gặp nhiều khó khăn.

Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng bình quân khoảng 157.000 m3/năm. Toàn tỉnh có 555 cơ sở sản xuất, kinh doanh chế biến lâm sản (23 doanh nghiệp, 10 công ty, 8 hợp tác xã và 514 hộ kinh doanh cá thể), trong đó: sơ chế lâm sản 315 cơ sở (chủ yếu là thang dát, nan nẹp, bao bì, gỗ bóc, cốt pha, nguyên liệu sản xuất giấy,…); 240 cơ sở sản xuất đồ mộc gia dụng. Hầu hết các cơ sở chế biến gỗ trên địa bàn có quy mô, công suất nhỏ, máy móc thiết bị thô sơ. Có một số doanh nghiệp đầu tư chế biến gỗ với qui mô lớn: Công ty Cổ phần Ván ép Việt Bắc, công suất 30.000 m^3 sản phẩm/năm; công ty Trách nhiệm hữu hạn UJU VINA Thái Nguyên sản xuất viên gỗ nén, dăm gỗ, mùn cưa xuất khẩu công suất 100.000 tấn sản phẩm/năm; Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, công suất 15.000 tấn/năm; hiện nay đang đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ Dongwha tại Khu công nghiệp Điềm Thụy, công suất 30.600 m^3 sản phẩm ván dán/năm. Ngoài ra ở các huyện, thành phố, thị xã có một số doanh nghiệp, hộ gia đình sản xuất đồ mộc gia dụng. Một số mặt hàng lâm sản của tỉnh đã được xuất khẩu ra thị trường thế giới như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản... chủ yếu là sản phẩm thô, nguyên liệu trung gian, sơ chế theo phương pháp thủ công truyền thống quy mô hộ gia đình, chưa hình thành liên kết vùng sản xuất nguyên liệu tập trung với cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm; tỷ lệ chế biến công nghiệp thấp, sản phẩm có thương hiệu còn ít, chưa có nhiều sản phẩm chế biến sâu; giá đầu ra sản phẩm không ổn định, sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế và sức cạnh tranh thấp.

Tỉnh Thái Nguyên đặt mục tiêu, diện tích rừng gỗ lớn và diện tích rừng được cấp chứng chỉ rừng bền vững đến 2025 đạt 10% tổng diện tích rừng trồng sản xuất, năm 2030 đạt 30%. Giá trị sản phẩm gỗ lớn trên một chu kỳ sản xuất

đối với cây sinh trưởng nhanh là 225 triệu đồng/ha/chu kỳ; đối với cây sinh trưởng chậm là 430 triệu đồng/ha/chu kỳ; giá trị sản phẩm gỗ nhỏ là 75 triệu đồng/ha/chu kỳ.

Giai đoạn 2021 - 2025, Thái Nguyên đặt mục tiêu trồng mới rừng gỗ lớn 2.000 ha, chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn 5.000 ha. Năng suất rừng trồng đạt trên 12 m^3/ha/năm, trữ lượng trên 150 m^3/ha/chu kỳ 12 năm. Nâng giá trị trên 1 ha rừng trồng gỗ lớn tăng từ 2,5 - 3 lần so với rừng nguyên liệu gỗ nhỏ; giá trị sản xuất ước đạt 225 triệu/ha/chu kỳ; định hướng trồng mới và chuyển hoá rừng ở các huyện: Phú Lương 1.500 ha, Định Hóa 1.000 ha, Võ Nhai 800 ha; Đồng Hỷ 1.500 ha, Đại Từ 1.500 ha, Phú Bình 300 ha, thị xã Phổ Yên 300 ha, thành phố Sông Công 100 ha.

Giai đoạn 2026 - 2030 trồng mới rừng gỗ lớn là 14.000 ha, năng suất đạt trên 14 m3/ha/năm, trữ lượng khai thác trên 180 m^3/ha/chu kỳ 12 năm; giá trị đạt 320 triệu đồng/ha/chu kỳ; định hướng trồng mới ở các huyện: Đồng Hỷ 3.000 ha, Định Hóa 2.500 ha, Phú Lương 3.000 ha, Võ Nhai 2.500 ha, huyện Đại Từ 2.000 ha, Phú Bình 400 ha, thị xã Phổ Yên 400 ha, thành phố Sông Công 200 ha.

Xây dựng mới 1 nhà máy chế biến gỗ và ván sợi công nghệ MDF hiện đại đồng bộ để chế biến sản phẩm gỗ theo chuỗi tại Khu công nghiệp Điềm Thụy, công suất 50.000 m^3 sản phẩm/năm; nhà máy sản xuất ván gỗ dán tại thành phố Thái Nguyên, công suất 30.000 m^3 sản phẩm/năm; nhà máy sản xuất viên gỗ nén tại huyện Định Hóa, công suất 3.000 tấn sản phẩm/năm; Nhà máy chế biến gỗ Đại Từ, công suất 30.600 m^3 sản phẩm ván dán/năm. Đến năm 2025 tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm chế biến tinh, sâu để xuất khẩu chiếm trên 40% và 60% tiêu thụ nội địa. Đến năm 2030 tiếp tục nâng cao chất lượng, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong chế biến, hạn chế xuất khẩu thô nhằm tăng giá trị xuất khẩu; phấn đấu xuất khẩu 60% tổng số mặt hàng đồ gỗ.

2.2.7 Rau các loại

Tỉnh Thái Nguyên hiện có 200 ha rau được cấp chứng nhận sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP và 70 ha rau sản xuất ứng dụng công nghệ nhà

màng, nhà lưới, hệ thống tưới tự động. Đã hình thành những vùng sản xuất rau chuyên canh có diện tích lớn tập trung chủ yếu ở các địa phương như: Phú Bình, Đại Từ, thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên. Các loại rau hiện được trồng phổ biến là rau ăn lá, rau củ, cây gia vị... Tính đến cuối tháng 10/2023, sản lượng rau các loại của Thái Nguyên ước đạt 65,8 nghìn tấn, bằng 103,1% kế hoạch năm 2023 và tăng 0,4% so với cùng kỳ năm 2022. Cơ cấu, chủng loại rau của tỉnh khá phong phú và đa dạng (nhóm rau ăn lá chiếm 70%; rau lấy quả chiếm 22,3%; rau lấy thân, củ, rễ chiếm 7,7 % so với tổng sản lượng). Tuy nhiên do ảnh hưởng lớn của điều kiện thời tiết dẫn đến sản lượng phân bố không đều, tập trung chủ yếu trong vụ Đông - Xuân chiếm trên 77,8% tổng sản lượng rau cả năm.

Sản lượng rau tiêu thụ trong tỉnh chiếm khoảng 85 - 90%, đáp ứng được trên 60% nhu cầu tiêu dùng. Một số điểm sản xuất rau của thị xã Phổ Yên, huyện Đại Từ, Định Hóa cung cấp rau cho thị trường Hà Nội, Bắc Kạn, Cao Bằng với một số loại rau thông thường như bí, mướp đắng, nấm….và rau bản địa như bò khai, ngót rừng, bầu đất… Tuy nhiên do sản lượng rau phân bố không đều, ở vụ Đông Xuân thường xuyên xảy ra tình trạng được mùa mất giá, nhất là đối với nhóm rau ăn lá, cà chua, cà rốt… vụ Hè Thu vẫn phải nhập thêm trên 30 nghìn tấn rau các loại từ các tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, nhập tiểu ngạch từ Trung Quốc...

Cả tỉnh Thái Nguyên hiện có 9 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh rau, nấm. Hầu hết sản phẩm rau của tỉnh chưa xây dựng được thương hiệu, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc (chỉ có Công ty TNHH Công nghệ sinh học Phú Gia ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và xây dựng được thương hiệu cho sản phẩm nấm ăn và nấm dược liệu, hàng năm sản xuất trên 400 tấn nấm tươi chủ yếu nội tiêu và trên 100 tấn nấm khô và chế biến xuất sang Nhật Bản, Đài Loan và Đức).

Thời gian tới, tỉnh định hướng tiếp tục duy trì diện tích rau hiện có, mở rộng diện tích rau tập trung chuyên canh, sản xuất an toàn; sản xuất rau trên đất lúa và đất trồng cây hàng năm khác nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong tỉnh.

Bảng 1: Danh sách các sản phẩm nông nghiệp đạt nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận tỉnh Thái Nguyên

(Cập nhật đến tháng 4/2023)

Số bằng	Ngày cấp	Tên nhãn	Chủ đơn	Địa chỉ	Loại nhãn hiệu
77941	26/12/2006	Chè Thái Nguyên	Hội nông dân Việt Nam tỉnh Thái Nguyên	Phố Quyết Tiến, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
90842	26/10/2007	G Đ H Gạo Bao Thai - Định Hoá	Trạm khuyến nông (huyện Định Hoá)	Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
140239	07/01/2010	Bánh Chưng Bờ Đậu	Hội liên hiệp phụ nữ xã Cổ Lũng	Xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
146868	24/05/2010	Đỗ Tương Võ Nhai	Trạm khuyến nông huyện Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
166221	22/06/2011	Chè Trại Cài	Hợp tác xã Hương Trà Minh Lập	Xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
193798	16/10/2012	Chè La Bằng	Hội nông dân xã La Bằng	Xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
200540	23/02/2013	Chè Vô Tranh	Hợp tác xã Làng nghề chè Vô Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Xóm 8 Liên Hồng, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
201534	08/03/2013	Chè Phổ Yên	Trạm Khuyến nông huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
195165	07/11/2012	Nấm Thái Nguyên	Hội nông dân tỉnh Thái Nguyên	Phố Quyết Tiến, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
195166	07/11/2012	Lúa Nếp Thầu Dầu	Hội nông dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Tổ 2, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
228120	15/07/2014	MVC Miến Việt Cường Hoá Thượng	Chi cục Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng tỉnh Thái Nguyên	Số 513, đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Chứng nhận
235100	11/11/2014	Gà Đồi Phú Bình	Uỷ ban nhân dân huyện Phú Bình	Tổ 2, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Chứng nhận
		Bưởi Tiên Hội	Hội nông dân xã Tiên Hội	Xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
248179	16/07/2015	Chè Tức Tranh	Hội nông dân xã Tức Tranh	Xã Tức Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
266342	29/07/2016	Hoa Đào Cam Giá	Hội nông dân phường Cam Giá	Tổ 23, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
303682	24/07/2018	NA LA HIÊN	Hội nông dân xã La Hiên	Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
306586	12/10/2018	Gạo Nếp Vải Phú Lương	ủy Ban Nhân Dân Huyện Phú Lương	Thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Chứng nhận
325686	01/08/2019	Ổi Linh Nham Xã Linh Sơn - TP.	Hội nông dân xã Linh Sơn	Xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể

Số bằng	Ngày cấp	Tên nhãn	Chủ đơn	Địa chỉ	Loại nhãn hiệu
		Thái Nguyên			
328421	28/08/2019	Nhãn Phúc Thuận	Hội nông dân xã Phúc Thuận	Xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
337901	26/11/2019	Chè Đại Từ	Hội nông dân huyện Đại Từ	TDP Trung Hòa, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
385161	22/04/2021	Tương úc Kỳ Đậm đà vị quê hương	Hội Nông dân huyện Phú Bình	Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
376503	19/01/2021	Bưởi Tân Quang - Sông Công	Hội Nông dân thành phố Sông Công	Số 1 Trần Phú, phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
376504	19/01/2021	Chè Phú Lương	ủy ban nhân dân huyện Phú Lương	Tổ dân phố Thái An, thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Chứng nhận
411839	17/02/2022	P D Phú Đạt GREEN TEA	Hợp tác xã Nông sản Phú Đạt	Thôn Trung Tâm, xã Sơn Phú, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
445603	27/02/2023	Thanh Tình Hợp Tác Xã Chè	Hợp tác xã chè Thanh Tình	Xóm Ba Giăng, xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Tập thể
442955	26/10/2022	Chè Võ Nhai	ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	Chứng nhận

III. MỘT SỐ ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

Bảng 2: Danh sách một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP và sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Thái Nguyên

STT	Điểm bán	Địa chỉ	Điện thoại
1	Cửa hàng bán sản phẩm OCOP Trạm dừng nghỉ Xã Trung Hội – Huyện Định Hóa – Tỉnh Thái Nguyên	Nhà đón tiếp - Ngã ba Quán vuông Xã Trung Hội, Huyện Định Hóa, Tỉnh Thái Nguyên	096 1943 111 - 097 8893 735
2	Đểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP của HTX chè Phúc An, xã Phúc Thuận	Xóm Phúc Tài, xã Phúc Thuận, Tp Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	0345 925 967
3	Điểm giới thiệu sản phẩm OCOP tại Trung tâm Thương mại Vincom Plaza Thái Nguyên	Số 286 Lương Ngọc Quyến, Phường Quang Trung, TP. Thái Nguyên, Thái Nguyên	0869839068
4	Điểm giới thiệu sản phẩm OCOP tại huyện Phú Bình	Tổ dân phố 2, thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, Thái Nguyên	0986.977257
5	Cửa hàng trưng bày và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp an toàn – Trung tâm giống cây trồng vật nuôi và thủy sản Thái Nguyên	Số 8, Đường Xuân Hòa, Phường Phan Đình Phùng, Thái Nguyên,	032 826 2286